

Lúc này, Đại Ca-diếp đang cùng bốn chúng đệ tử, mỗi chúng là năm trăm người, tạm nghỉ mệt trên con đường trở về.

Có kẻ dị học tên là Ưu-vi¹, từ chỗ Đức Phật đi đến, tay cầm một cành hoa trời, tên là Mạn-đà-lặc², thấy Tôn giả Đại Ca-diếp cùng với hai ngàn đệ tử theo sau. Ưu-vi đến trước Tôn giả Đại Ca-diếp đánh lễ, chào hỏi. Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi:

“Ông từ đâu đi đến đây?”

Thưa rằng:

“Tôi từ nước Na-kiệt đến.”

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi:

“Ông có biết Đức Phật là Bạc Đại Sư của tôi chăng?”

“Vâng, tôi có biết. Ngài đã diệt độ cách nay bảy ngày. Tôi ở chỗ đó nên có được cành hoa trời này.”

Bấy giờ, các đệ tử có người chưa thấy được chân lý, nghe Đức Phật diệt độ thấy đều kinh ngạc, hết sức đau buồn than: ‘Tại sao lại như vậy? Chúng sanh biết nương cậy vào ai?’ Có người đã thấy được chơn lý, đã hiểu một cách sâu xa lời dạy của Đức Phật, thì nói: ‘Thế gian đều là vô thường, mọi sự thương yêu đều như huyễn mộng, có ai sống mãi đâu!’

Trong chúng Tỳ-kheo có một vị Tỳ-kheo tuổi cao nhưng tâm trí lại tối tăm, không đạt được Thánh ý, thấy chúng Tỳ-kheo đau lòng, xúc động như vậy thì đứng lại và nói:

“Xin chớ buồn sầu nữa! Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, lúc nào cũng răn dạy cấm đoán: đây là điều phi pháp, kia là điều phi nghĩa. Thọ trì cái này, làm như vậy là không trái phạm. Nay Thế Tôn đã qua đời thì chúng ta được tự do, há lại không thích thú sao?”

Chúng Tỳ-kheo đều cho lời nói như vậy là sai, nên cùng nhau thưa với trời. Trời bèn nắm Tỳ-kheo già ấy bỏ ra ngoài chúng. Tôn giả Đại Ca-diếp bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lên đường gấp.”

Bốn chúng đệ tử, vô số trời, người đều buồn khóc mà đi, cùng đến

¹ Hán: Hữu dị học giả danh Ưu-vi 有異學者名優為; No.1(3) sdd.: Ngộ nhất Ni-kiên Tử 遇一尼乾子.

² Mạn-đà-lặc 曼陀勒; sdd.: Văn-đà-la 文陀羅; TNM: Mạn-đà-la 曼陀羅; Pāli: Mandarāva.

chỗ Đức Phật, nhiều quanh điện ba vòng, cung kính đánh lễ, đau đớn thương tiếc. Tôn giả Đại Ca-diếp nhìn thật kỹ vào kim quan của Đức Phật, trong lòng tự nghĩ: ‘Ta trở về trễ, không thấy được Thầy ta. Chẳng biết đâu, chân của Đức Thế Tôn ở chỗ nào?’ Đức Phật bèn đáp lại bằng cách duỗi hai chân ra ngoài. Tôn giả Đại Ca-diếp liền áp nhẹ đầu mặt mình vào chân Đức Phật, ca ngợi công đức của Đức Phật bằng bài kệ:

*Ngài vì không ‘sanh, già’,
Và cũng không ‘già, chết’;
Ngài vì không tụ hội,
Không cùng kẻ ghét chung;
Ngài cũng vì không để
Yêu thương mà ly biệt;
Nên mới cầu phương tiện,
Để đạt đến chỗ này.
Ngài vì năm ấm này,
Rốt ráo không tái thọ;
Cũng không còn tạo tác,
Để thọ năm ấm ấy.
Vì chấm dứt khổ đau,
Và trừ luôn gốc hữu;
Nên mới cầu phương tiện,
Khiến đạt được như vậy.
Phật vì đoạn thế gian,
Ái dục đã trừ sạch;
Nên gọi là Nhẫn nhục,
Bỏ phiền não thế gian.
Phật vì tự an lạc,
Cùng an ổn thế gian;
Cho nên con chấp tay,
Cung kính đánh lễ Phật.
Pháp Phật đã giảng nói,
Là nguồn sáng thế gian;
Phật Chí Tôn chỉ nẻo,
An ổn không chướng ngại;
Cũng hóa độ muôn loài,
Khiến không còn già, chết.*

Vì sao người thế gian,
 Lại không thọ ân Phật?
 Trăng sáng trên bầu trời,
 Để phá tan đêm tối.
 Mặt trời chiếu trên không,
 Để soi sáng ban ngày;
 Điện xẹt trên trời cao,
 Để chiếu soi mây sáng.
 Hào quang Phật chiếu ra,
 Để sáng soi ba cõi;
 Tất cả các sông ngòi,
 Sông Côn-lôn hơn hết.
 Tất cả vùng nước lớn,
 Biển cả là lớn nhất;
 Tất cả ngôi sao sáng,
 Mặt trăng là sáng nhất.
 Phật là mắt thế gian,
 Tối tôn trong trời đất;
 Phật vì cứu độ đời,
 Vì ban bố phước đức;
 Phật chỉ dạy, giáo hóa,
 Đến nay đã phân minh.
 Do vậy mà hôm nay,
 Đệ tử Phật thọ, hành;
 Tất cả trời và người,
 Cung kính cùng đánh lễ.

Tôn giả Đại Ca-diếp tán thán Đức Phật xong, thì trời, thần, quỷ rồng, vua quan, dân chúng đều đánh lễ nơi chân Phật. Sau đấy thì hai chân Phật thu vào kim quan trở lại. Trời, người, quỷ, rồng thấy vậy đều nức nở, thương tiếc. Tôn giả Đại Ca-diếp và các Tỳ-kheo cùng nhau thăm hỏi, chia buồn. Các Thệ tâm, Lý gia bèn đốt lửa trà-tỳ. Chư Thiên tung rải hương hoa, đều nói rằng: ‘Vì sao chúng sanh lại cùng khổ như thế này?’

Hào quang của Đức Phật thường chiếu thẳng lên cõi trời thứ bảy là cõi Phạm thiên. Những chỗ tối tăm, khuất kín trong mười phương, nơi mà chúng sanh không nhìn thấy nhau được, nhờ hào quang của Đức Phật cùng lúc sáng rực nên hân hoan nói: ‘Ánh

sáng ở đâu thế?’

Các Lý gia bàn bạc, khi nhục thân của Đức Phật đã cháy xong, họ liền lấy nước hoa rưới lên cho lửa tắt, rửa sạch xá-lợi, đựng đầy trong bát bằng vàng. Y trong và ngoài của Đức Phật vẫn còn nguyên như cũ. Trong khi vải kiếp-ba quấn quanh thân Ngài đều cháy hết. Họ lấy bát chứa xá-lợi để trên kim sàng rồi đưa vào cung, đặt trên chánh điện. Trời người tung rải hoa, ca nhạc, đốt đèn đi bộ quanh thành, đèn thấp sáng trên mặt đất đến mười hai dặm. Tôn giả A-nan nói với Tôn giả A-na-luật:

“Cám ơn các vị trời, rồng, xin chư vị hãy trở về nơi chốn của mình.”

Trời, rồng, quỷ, thần đều rơi nước mắt, thưa:

“Mặt trời, mặt trăng của ba cõi đã mất. Thế gian sẽ mãi bị tăm tối. Lễ an táng sắp dứt hay còn kéo dài trong bao lâu nữa? Dân chúng đông đảo như muốn đuổi gáp chúng ta đi. Vậy chúng ta làm gì bây giờ?”

Đáp:

“Dân chúng nhao nhao muốn dâng hoa hương, vậy chư vị nên tạm thời trở về, để dân chúng được giải bày tấm lòng của mình.”

Đế Thích hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Ngày nào thì sẽ dựng tháp của Đức Thế Tôn?”

Tôn giả A-na-luật hỏi Tôn giả A-nan. Tôn giả A-thưa:

“Sau chín mươi ngày, sẽ chọn ở giữa ngã tư đường dựng tháp, lập đàn tràng.”

Chư Thiên đồng nói:

“Vì duyên cơ gì chờ đến chín mươi ngày?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Bốn chúng đệ tử còn ở xa, họ đang vội vã trở về để mong được nhìn thấy xá-lợi của Đức Phật.”

Bấy giờ, chư Thiên cùng một lúc cung kính lễ bái. Đế Thích đi trước, chư Thiên theo sau, nhiễu quanh chánh điện ba vòng, buồn khóc trở về.

Hai vạn Tỳ-kheo lo việc gìn giữ xá-lợi của Phật. Lại cảm tạ quốc vương, xin vua trở lại cung. Vua và các quan lễ bái lần nữa buồn bã nhiều

quanh chánh điện ba vòng rồi trở về cung. Nhà vua bảo các phu nhân, thế nữ đều phải phụng trì giới cấm trong suốt chín mươi ngày. Các Thệ tâm, Lý gia cũng thực hành trai giới trong thời gian ấy. Dân chúng khắp bốn phương xa đều nghe Đức Phật đã diệt độ.

Bốn chúng đệ tử ở nước Cưu-di³, đều mang theo hương hoa để cúng dường. Ai nấy đều khóc thương sâu thẳm, chập ních đường xá. Họ nhiễu quanh chánh điện ba lần, cúi lạy dưới đất, giậm chân thương tiếc, than thở: ‘Tại sao lại như thế này?’ Các vị vua ở cách xa trong vòng ngàn dặm thì cùng đi với thái tử. Các vị vua ở ngoài ngàn dặm thì sai thái tử đốc suất dân chúng cùng đi đến chỗ Đức Phật, nhiễu quanh chánh điện, tiếc thương, dâng hoa hương cúng dường. Ai đến trước thì về trước, ai đến sau thì về sau.

Các Tỳ-kheo đồng hỏi Tôn giả A-nan:

“Phương pháp an táng cúng dường xá-lợi như thế nào?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Nên đi về hướng Đông, cách thành ba mươi dặm, ở đấy có thôn Vệ-trí⁴, sẽ đến chỗ ngã tư đường trống trải lập tháp, dựng đàn tràng, lấy ngọc làm ngói, viên ngói mỗi bề rộng ba thước, tháp cao rộng mười lăm thước, xá-lợi đựng trong bát vàng để ngay chính giữa. Dựng tháp xong thì lập đàn, treo cờ phướn trên cao, thắp hương đốt đèn, quét sạch, rải hoa, dùng mười hai bộ nhạc, sáng tối tấu lên để cúng dường. Các Thệ tâm, Lý gia hãy cùng nhau lo hoàn thành bảo tháp để Phạm vương, Đế Thích, quý, rồng, vua quan và dân chúng tiễn đưa xá-lợi Phật.”

Lý gia cung kính vâng lời, làm đúng như lời chỉ dẫn của Tôn giả A-nan.

Tôn giả Đại Ca-diếp, các bậc A-la-hán và Tôn giả A-na-luật cùng nhau bàn luận: Ba mươi vạn dân chúng, vua và các quan hiện tại khi mạng chung sẽ được sanh lên chỗ của ngài Di-lặc⁵ tại trời Đâu-thuật. Khi Đức Di-lặc thành Phật, thuyết giảng kinh lần thứ nhất, có chín mươi

³ Cưu-di 鳩夷 tức Cưu-di-na-kiệt.

⁴ Vệ-trí 衛致; bản No.1(3) không nói đến địa danh và chi tiết này.

⁵ Di-lặc 彌勒; Skt.: Maitreya.

sáu ức Tỳ-kheo chứng quả A-la-hán. Ngài Di-lặc sẽ thuyết giảng kinh cho các chúng sanh rằng: ‘Các thần thông này đều là của Đức Phật Thích-ca Văn!’ Bây giờ làm tháp thì hãy treo cờ phướn, thắp hương, đốt đèn, thực hành đúng theo giới pháp của Phật, công việc này đều giao cho Thanh tín sĩ và Thanh tín nữ vậy.

Tôn giả Đại Ca-diếp và A-nan cùng các vị A-la-hán luận bàn tiếp: ‘Vua nước Cưu-di sau khi mạng chung sẽ sanh về đâu?’. Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

“Vua nước ấy mạng chung sẽ sanh lên cõi trời thứ mười hai là Thủy vi⁶. Sau khi Đức Di-lặc hạ sanh, thành Phật, ông ấy sẽ có tên là Tu-đạt⁷, tạo dựng cung điện cho Phật Di-lặc, nhà giảng dạy đạo⁸, như tinh xá Văn vật⁹, vườn Cấp cô độc. Y phục, thức ăn uống, thuốc men chữa bệnh luôn cúng dường đầy đủ cho Tỳ-kheo Tăng.”

Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp:

“Quốc vương nước Cưu-di tại sao không ở chỗ Đức Phật Di-lặc mà chứng đạo quả Ứng chơn?”

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp:

“Tâm dục của vua ấy chưa nhàm chán đối với các khổ của sanh, lão, bệnh, tử, buồn sâu cho nên không đạt được đạo quả Ứng chơn vậy.”

Tôn giả Đại Ca-diếp nói với A-nan:

“Ai không nhàm chán đối với bao nỗi khổ, lo của sanh tử thì rất cuộc chẳng chứng đắc đạo.”

Tôn giả A-nan nói:

“Tôi đã nhàm chán nó từ lâu rồi, tại sao không đắc đạo?”

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp:

“Tôn giả chỉ vâng giữ giới luật mà không tư duy về trong, ngoài thân, tư duy về sự ô uế của

6. Thập nhị Thủy vi thiên 十二水微天, cõi trời thứ mười hai, tức phổ thông gọi là Quang âm thiên hay Cực quang thiên; Pāli: Ābhassara.

7. Tu đạt 須達; Pāli, Skt.: Sudatta.

8. Hán: giảng thọ đạo đường 講受道堂.

9. Văn vật tinh xá 聞物精舍, có lẽ là Kỳ-hoàn tinh xá 祇洹精舍 (Pāli: Jetavana), được dùng để so sánh.

**thân chuyển biến theo dòng sanh tử nên
chưa đạt được.”**

Có tám nước ở ngoài biên giới¹⁰ nước Cưu-di nghe tin Đức Phật đã diệt độ, xá-lợi hiện đang được lưu giữ tại nước Cưu-di, tức thì họ đều huy động quân binh kéo đến đòi chia phần xá-lợi. Vua nước Cưu-di nói:

“Đức Phật đã ngự tại nước tôi, nay Ngài đã diệt độ, thì tôi sẽ lo việc cúng dường. Các vị từ chốn xa xôi khổ nhọc tới đây mong được chia phần xá-lợi, điều đó không thể được.”

Tám vị vua kia đáp:

“Chúng tôi thành thật mong muốn được chia phần xá-lợi. Nếu ông không chia cho chúng tôi, chắc chắn chúng tôi phải ra lệnh cho quân binh chống cự để đoạt lấy.”

Trời Đế Thích thấy tám vị vua cùng nhau tranh cãi để được phần xá-lợi đem về nước cúng dường, liền hóa thành một vị Phạm chí tên là Truân-khuất¹¹, chấp tay đến trước chỗ tám vị vua để giải thích:

“Xin cho tôi nói một lời: Lúc Đức Phật còn tại thế, các vua luôn phụng hành, tôn kính lời dạy của Ngài là phải luôn từ bi. Phàm là bậc chủ của muôn dân thì không nên tranh chấp mà nên thực hành bốn sự bình đẳng, chia đều xá-lợi của Phật ra, khiến cho các nước đều có bảo tháp, để khai mở sự tối tăm của dân chúng, giúp họ được biết có Phật, lấy đó làm giềng mối ngõ hầu đạt được phước đức lớn lao.”

**Trời, thần, quỷ, rồng, các vua và dân chúng cùng nhau
khen ngợi:**

“Lành thay, Truân-khuất! Ngài đã rộng thí phước điền cho chúng sanh.”

Vậy là họ cùng nhau nhờ Truân-khuất chia xá-lợi ra làm tám phần bằng nhau. Truân-khuất tự lấy bát vàng của cõi trời, bên trong

¹⁰. No.5 không liệt kê tên các nước. Tham chiếu bản No.1(3): Ba-bà 波婆 (Pāli: Pāvā), Giá-la-phá 遮羅頗 (Pāli: Allakapa), La-ma-già 羅摩伽 (Pāli: Rāmagāma), Tỳ-lưu-đề 毗留提 (Pāli: Vethadīpa), Ca-duy-la-vệ 迦維羅衛 (Pāli: Kapila-vatthu; Skt.: Capila-vastu), Tỳ-xá-ly 毗舍離 (Skt.: Vaiśālī) và Ma-kiệt 摩竭 (Pāli, Skt.: Magadha).

¹¹. Truân-khuất 屯屈; No.1(3) sdd.: Bà-la-môn Hương Tánh 婆羅門香性.

bát dùng đường mía¹² bôi lên để chữa xá-lợi, mỗi vua một phần. Các vua được xá-lợi rồi thì buồn vui lẫn lộn, đều lấy hương hoa, cờ phướn bằng tơ năm sắc, thấp hương đốt đèn, sáng tối tấu nhạc. Truân-khuất cung kính xin số mật xá-lợi còn lại ở trong bình để đem về lập tháp thờ. Các vua đồng ý cho, ông liền bỏ xá-lợi vào bình. Bấy giờ có một đạo sĩ tên là Hoàn-vi¹³ cũng đến chỗ vua để xin xá-lợi. Vua bảo:

“Đã phân chia hết cả rồi, hiện chỉ còn số cháy thành than, nên tự mình đến đó mà lấy.”

Ông đạo sĩ liền đến chỗ trà-tỳ lấy phần cháy thành than xong thì dùng hương hoa cúng dường. Lại có người ở vùng Già-ca-kiệt¹⁴ cũng tới để xin xá-lợi. Nhà vua bảo là đã phân hết rồi, chỉ còn có phần tro thôi. Người ấy liền đến lấy phần tro kia thờ cúng trong chín mươi ngày.

Tôn giả Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ca-chiên-diên cùng nhau bàn bạc: ‘A-nan theo hầu Phật rất lâu, riêng được gần gũi với Đức Phật. Những gì Đức Phật đã giáo hóa, nêu giảng, chỉ dạy rộng khắp, A-nan đều ghi nhớ kỹ trong tâm, không chỗ nào là không hiểu rõ. Chúng ta hãy nhờ A-nan đọc tụng lại pháp luật để đại chúng dựa theo đấy mà lãnh hội, ghi chép.’

Tỳ-kheo Tăng cũng cùng nhau bàn luận: ‘A-nan chưa chứng đạo quả sợ còn có tâm tham, che giấu những chỗ ý nghĩa vi diệu, không chịu nói hết.’

Có những Tỳ-kheo Tăng thì bảo: ‘Nên tạm lập ra một tòa cao, chư Thánh vân tập, các vị Tỳ-kheo Tăng nhân đó nêu câu hỏi, trên dưới ba lần, hỏi về chỗ cốt yếu của kinh thì mới có thể biết được sự thành thật.’

Vua nước Cưu-di lập bảo tháp để thờ Phật, lại xây phòng ốc, thiển thất rộng rãi đẹp đẽ để chứa ba ngàn Tỳ-kheo ở trong đó tụng kinh, tọa thiền. Nhà vua sai vị đại thần tên là Ma-nam đem ba ngàn binh lính luân phiên lo canh gác bảo tháp. Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-na-luật cùng báo cho các Tỳ-kheo Tăng là sẽ kết tập kinh luật của Phật là bốn bộ A-hàm. Tôn giả A-nan theo hầu Phật, một mình luôn được

¹². Hán: thạch mật 石蜜.

¹³. Hoàn-vi 桓違; xem cht.54.

¹⁴. Già-ca-kiệt 遮迦竭; No.1(3) chỉ nói người ở thôn Tất-bát 畢鉢; bản Pāli: nói người Moryā ở Pippala. Các phiên âm và Pāli không gần nhau, nên khó xác định.

gần gũi với Đức Phật. Đức Phật vì sự phóng túng không biết kiềm chế của chúng sanh nên tạo ra một bộ A-hàm; vì những người hung dữ nóng giận, bội nghịch, nên tạo ra một bộ A-hàm; vì hạng người ngu si tăm tối, xa lìa đường chánh nên tạo ra một bộ A-hàm; vì những người bất hiếu với cha mẹ, xa lìa các bậc Hiền thiện, không ghi nhớ ân sâu của Phật nên không lo báo đền, do đó tạo thành một bộ A-hàm.

Chúng Sa-môn thưa:

“Chỉ có Tôn giả A-nan là bậc biết rõ về bốn bộ A-hàm, cho nên phải nhờ Tôn giả đọc tụng.”

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

“Tôn giả A-nan chưa chứng đạo quả, sợ còn có ý tham không nói hết các kinh.”

Chúng Tỳ-kheo thưa:

“Hãy đem việc trước đây để chất vấn Tôn giả A-nan. Nên mời Tôn giả A-nan lên chỗ ngồi cao, các bậc Hiền thiện ở dưới nêu hỏi về kinh.”

Mọi người đều nói:

“Lành thay! Rất hợp với việc lớn.”

Các Sa-môn trị sự liền hợp Thánh chúng giục Tôn giả A-nan ra mắt. Thánh chúng đều an tọa, mời Tôn giả A-nan tiến lên mau. A-nan bước lên, cung kính đảnh lễ Thánh chúng.

“Người nào được quả Ứng chơn Sa-môn thì vẫn ngồi như cũ. Người nào chưa đắc quả Ứng chơn thì hãy đứng dậy.”

Sa-môn trị sự mời Tôn giả A-nan lên ngồi trên tòa cao ở chính giữa. A-nan từ chối, nói:

“Đó không phải là chỗ ngồi của tôi.”

Thánh chúng đều nói:

“Vì để đọc tụng kinh Phật nên mời Tôn giả ngồi ở chỗ ấy, nhằm nói lại giáo pháp tối thượng của Đức Phật mà Ngài được lãnh hội cho chúng Tăng nghe.”

A-nan liền ngồi. Chúng Hiền thiện hỏi:

“Tôn giả có bảy điều lỗi lầm, vậy Tôn giả có biết chăng? Đức Thế Tôn lúc còn tại thế đã bảo: ‘An vui thay trong cõi Diêm-phù-đề!’

Vậy mà ngài vẫn cứ làm thỉnh không đáp¹⁵.”

Vị Sa-môn trị sự gọi A-nan. A-nan liền đáp:

“Phật là Bạc Thánh Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, há lại không được tự tại hay sao mà phải chờ tôi nói? Giả sử Đức Phật còn trụ thế trong một kiếp, thì Đức Di-lặc Chí Tôn làm sao mà sớm được thành Phật?”

Thánh chúng im lặng. A-nan thì không sợ hãi. Thánh chúng cùng nói:

“Xin ngài lại chỗ cũ để biết giáo pháp mà Ngài tuyên đọc tụng cùng với Chánh pháp mà đại chúng được lãnh hội là giống nhau, không gì hơn là xin mời Ngài ba lần lên tòa đọc tụng Chánh pháp.”

Tôn giả A-nan ba lần xuống tòa, rồi lại lên tòa nói:

“Y-diêm ma tu-đàn. Y-diêm ma tu-đàn¹⁶ là: ‘Tôi nghe từ Phật.’ Các Tỳ-kheo Tăng nghe lời nói mở đầu của Tôn giả A-nan: ‘Y-diêm ma tu-đàn’, ‘Tôi nghe từ Phật’, tất cả đều nghẹn ngào nước mắt, nói: ‘Biết làm sao đây?’ Đức Phật mới đây vẫn còn tại thế mà nay lại nói: ‘Tôi từ Phật nghe như vậy.’

Trời, thần, quỷ, rồng, đế quan và muôn dân, bốn chúng đệ tử, không ai là không thương tiếc.

Tôn giả Đại Ca-diếp tuyển chọn trong chúng Hiền thánh được bốn mươi vị A-la-hán¹⁷, theo Tôn giả A-nan để nghe tụng đọc về bốn bộ A-hàm: mỗi bộ A-hàm sáu mươi xấp lụ¹⁸. Chép kinh chưa xong, ở trong miếu thờ Phật tự nhiên sanh ra bốn cây danh mộc. Một cây tên là Ca-chiên, một cây tên là Ca-tử-diên, một cây tên là A-hóa, một cây

¹⁵. Buộc tội A-nan không khuyến thỉnh Phật trụ thế lâu hơn, dù Phật đã có gọi ý.

¹⁶. Y-diêm ma tu-đàn 伊焰摩須檀, phiên âm lời mở đầu các kinh, gần với Skt.: hōn chūng, hay Pāli: evaṃ me sutam, hơn là gần âm với Skt.: tiêu chuẩn: evaṃ mayā śrutam. Hán dịch phổ thông: như thị ngã văn 如是我聞.

¹⁷. Truyền thuyết trong các Luật tạng nói: năm trăm A-la-hán.

¹⁸. Hán: lục thất sát tố 六十疋素, “sáu mươi xấp lụ”. Kết tập lần đầu bằng khẩu truyền, chưa chép thành căn tự; cho nên Hán dịch ở đây không chính xác. Có thể hiểu: mỗi bộ A-hàm nguyên thủy được tập thành gồm sáu mươi tụng, tức sáu mươi lần đọc mới hết. Truyền thuyết các bộ phái không giống nhau.

tên là Ni-câu-loại¹⁹.”

Các Tỳ-kheo Tăng nói:

“Chúng ta đem tâm từ bi chép bốn bộ A-hàm, tự nhiên sanh ra bốn cây thần diệu. Bốn bộ A-hàm chính là cây đạo²⁰ của Đức Phật. Do đó phải cùng nhau hết lòng giữ gìn. Giới của Tỳ-kheo Tăng gồm có hai trăm năm mươi giới thanh tịnh. Giới của Tỳ-kheo-ni gồm có năm trăm sự. Giới của Ưu-bà-tắc gồm có năm. Giới của Ưu-bà-di gồm có mười²¹.

“Khi chép kinh xong, các Tỳ-kheo Tăng mỗi người phải tự thực hành kinh giới, cùng nhau trao truyền giáo hóa cho đến ngàn năm. Trong ngàn năm ấy, có người giữ đúng giới nên được ở chỗ của Phật Di-lặc là cõi trời thứ tư²².

“Đức Thế Tôn Di-lặc sẽ vì chư Thiên giảng nói kinh pháp. Nay, trong chúng hội đều là những người trì giới của Đức Phật Thích-ca Vãng, tương lai sẽ sanh đến cõi ấy. Đức Phật Di-lặc nói: ‘Các vị hãy siêng năng tinh tấn thực hành đầy đủ những điều khó làm, nhiều ít cũng phải thọ trì giới luật. Sau khi Phật đã Nê-hoàn²³ hãy tạo tám miếu thờ²⁴. Cái thứ chín là tháp thờ cái bình chứa xá-lợi. Cái thứ mười là tháp thờ phần xá-lợi vụn thành than, tháp mười một là tháp thờ tro dư.’

Kinh nói²⁵: ‘Đức Phật đản sinh là ngày mồng tám tháng tư, ngày mồng tám xuất gia, ngày mồng tám đắc đạo, ngày mồng tám diệt độ.

¹⁹ Ca-chieân 迦梅, Ca-tæ-dieân 迦比延, A-hoà 阿貨, Ni-caâu-loaïi 尼拘類. Hai cây ñààu, chõa xaùc ñõnh ñõõic. A-hoà, phieân âm cuõa Skt.: *Aśvattha* (Pāli: *assattha*), moät cây cung, teân khoa hoïc *Ficus Religosa*; Ñõùc Thích Toân thaønh ñaïo döõuì cây naøy, neân cuõng ñõõic goïi laø cây Boà-ñeà. Ni-caâu-loaïi; Pāli: *nigrodha*, cây baøng; Phaät Ca-dieáp thaønh ñaïo döõuì cây naøy; xem No.1(1).

²⁰ Hán: Đạo thọ 道樹, tức cây Bồ-đề.

²¹ Nguyên văn: Ưu-bà-di giới hữu thập 優婆夷戒有十(?), Hán dịch này có sự nhầm lẫn. Có lẽ muốn nói là giới của Sa-di.

²² Tầng trời thứ tư của Dục giới, chỉ trời Đâu-suất.

²³ Trong bản Hán: nê-viết 泥日.

²⁴ Nguyên Hán: tông miếu 宗廟.

²⁵ Trong bản: Kinh viết 經日.

Ngài xuất gia học đạo, vào tháng sao Phất²⁶. Ngài thành đạo vào tháng sao Phất. Ngài Bát-nê-hoàn, vào tháng sao Phất²⁷.’ Cỏ cây đều sanh hoa lá, cây cối khắp cả nước đều lại xanh tốt um tùm. Đức Phật đã Bát-nê-hoàn rồi, Vị Thiên Trung Thiên của ba cõi, ánh hào quang đã tắt, tắt cả muôn loài trong mười phương đều tự quy y Phật.²⁸”



-
- ²⁶. Nguyên Hán: Phất tinh 沸星; Skt.: Puṛya(-nakṛatra), tương đương sao Quỷ trong nhị thập bát tú. Tháng sao Puṛya, hay tháng Pauṛsa tương đương khoảng tháng 12, tháng Giêng dương lịch.
- ²⁷. Tham chiếu No.2(3) sdd.: Phật sinh giờ nào? Thành đạo giờ nào? Diệt độ thời nào? Sinh khi sao Phất mọc. Xuất gia khi sao Phất mọc. Thành đạo khi sao Phất mọc.
- ²⁸. No.5 đoạn văn từ: “Quốc vương cùng bốn mươi vạn dân chúng nghe tin hầu như ngất xỉu, cho đến tất cả muôn loài trong mười phương đều quy y Phật.” Đây là những sự kiện xảy ra sau khi Phật vào Niết-bàn: Từ vua quan sĩ thứ thương khóc xót xa cho đến những bài kệ tán thán của chư Thiên các cõi đối với ân đức công hạnh của Phật đối với chúng sanh ba cõi, cùng những sự kiện sắp xếp dự liệu cho việc trà-tỳ làm sao cho đúng pháp, cho đến mọi sự kiện khác xảy ra quanh việc chia phần xá-lợi cho các nước phụng thờ giữa hai bản trên những sự kiện chính thì đồng, nhưng về cách diễn tả sự kiện chi tiết thì không giống nhau. Đôi khi bản này có sự kiện này mà bản kia lại không và ngược lại, hay những sai khác nhau về nhân danh, địa danh quốc độ vào lúc bấy giờ giữa hai bản như những chú thích đã ghi lại ở trên.